

Số: 115/QĐ-UBND

Long Thành Trung, ngày 26 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của phường Long Thành Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG THÀNH TRUNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp
ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Hội
đồng nhân dân phường Long Thành Trung về việc quyết định phê chuẩn quyết
toán thu, chi ngân sách phường năm 2023;*

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của phường Long Thành Trung (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, công chức Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân thị xã;
- Phòng Tài chính thị xã;
- Đảng Ủy- HĐND phường;
- Cơ quan của các đoàn thể ở phường;
- Các trường khu phố trong phường;
- Lưu: VT, TC-KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Sơn

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	11.687.802.924	TỔNG SỐ CHI	11.440.593.942
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	658.620.900	I. Chi đầu tư phát triển	-
1. Phí, lệ phí	123.587.000		
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	407.705.581		
3. Thu từ bán thanh lý tài sản của nhà nước	5.630.000		
4. Thu phạt, thu khác theo quy định	121.698.319		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	5.664.113.302	II. Chi thường xuyên	7.403.852.861
1. Các khoản thu phân chia	2.873.515.045	1. Chi quốc phòng, Chi an ninh và trật tự	2.321.949.210
-Thuế TNCN	652.783.700	- Chi quốc phòng	1.151.902.614
-Thuế sử dụng đất PNN thu từ hộ gia đình	878.937.384	- Chi an ninh trật tự	1.007.765.616
-Lệ phí MB thu từ cá nhân hộ kinh doanh	180.700.000	2. Chi văn hóa thông tin	150.556.380
-Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.161.093.961	3. Chi phát thanh truyền hình, thông tấn	11.724.600
- Thuế tài nguyên thu từ SXKD	5.664.000	4. Chi thể dục thể thao	40.880.000
2. Các khoản thu phân chia khác do tính quy định	2.784.934.257	5. Chi bảo vệ môi trường	30.747.990
- Thuế VAT không kê hàng nhập khẩu	2.578.844.607	6. Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000
- Thuế TNDN không kê đơn vị hạch toán ngành	198.012.262	7. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.381.580.661
- Thuế TTĐB đối với HHSX trong nước		8. Chi bảo đảm xã hội	597.195.000
- Thu khác ngoài quốc doanh	8.077.388	9. Chi khác NS	-
III. Thu bổ sung	520.692.000	10. Chi dự phòng NS	
-Bổ sung cân đối		III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau(nếu có)	4.036.741.081
-Bổ sung có mục tiêu	520.692.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	2.488.699.027	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách (nếu có)	2.355.677.695		
Kết dư ngân sách	247.208.982		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

S T T	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	22.220.000.000	7.690.000.000	22.370.909.924	11.687.802.924	100,68	151,99
I	Các khoản thu 100%	363.000.000	363.000.000	658.620.900	658.620.900	181,44	181,44
	- Phí, lệ phí	70.000.000	70.000.000	123.587.000	123.587.000	176,55	176,55
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	168.000.000	168.000.000	407.705.581	407.705.581	242,68	242,68
	- Thu từ bán thanh lý tài sản của nhà nước			5.630.000	5.630.000		
	- Thu khác	125.000.000	125.000.000	121.698.319	121.698.319	97,36	97,36
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm %	21.857.000.000	7.297.000.000	16.347.220.302	5.664.113.302	74,79	77,62
1.	Các khoản thu phân chia	10.517.000.000	3.759.000.000	8.469.740.813	2.879.179.045	80,53	76,59
	- Thuế TNCN	7.560.000.000	802.000.000	5.934.396.100	652.783.700	78,50	81,39
	- Phí bảo vệ môi trường			25.308.660			
	- Thuế sử dụng đất PNN thu từ hộ gia đình	720.000.000	720.000.000	878.937.384	878.937.384	122,07	122,07
	- Lệ phí MB thu từ cá nhân hộ kinh doanh	180.000.000	180.000.000	373.200.000	180.700.000	207,33	100,39
	- Thuế sử dụng đất NN thu từ hộ gia đình						
	- Thu khác ngoài quốc doanh			91.140.708			
	- Thuế tài nguyên thu từ SXKD	9.000.000	9.000.000	5.664.000	5.664.000	62,93	62,93
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	2.048.000.000	2.048.000.000	1.161.093.961	1.161.093.961	56,69	56,69
2.	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	11.340.000.000	3.538.000.000	7.877.479.489	2.784.934.257	69,47	78,71
	- Thuế VAT không kê hàng nhập khẩu	10.280.000.000	3.442.000.000	5.552.888.114	2.578.844.607	54,02	74,92
	- Thuế TNDN không kê đơn vị hạch toán ngành	1.060.000.000	96.000.000	1.800.111.340	198.012.262	169,82	206,26
	- Thuế tài nguyên			58.480.205			
	- Thu tiền sử dụng đất			391.200.000			
	- Thu khác ngoài quốc doanh			74.799.830	8.077.388		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			2.355.677.695	2.355.677.695		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			2.488.699.027	2.488.699.027		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	30.000.000	520.692.000	520.692.000		1.735,64
	- Thu bổ sung cân đối				-		
	- Thu Bổ sung có mục tiêu		30.000.000	520.692.000	520.692.000		1.735,64

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

LIS	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH % QT/DT		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.690.000.000	-	7.690.000.000	11.440.593.942	-	11.440.593.942	148,77		148,77
	Trong đó:	-			-					
1	Chi giáo dục	-			-					
2	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi Y tế	-			-					
4	Chi văn hoá, thông tin	188.000.000		188.000.000	150.556.380		150.556.380	80,08		80,08
5	Chi phát thanh, truyền thanh	17.000.000		17.000.000	11.724.600		11.724.600	68,97		68,97
6	Chi thể dục thể thao	26.000.000		26.000.000	40.880.000		40.880.000	157,23		157,23
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	30.747.990		30.747.990	61,50		61,50
8	Chi các hoạt động kinh tế	286.000.000		286.000.000	31.500.000		31.500.000	11,01		11,01
9	Chi quản lý Nhà Nước, đảng, đoàn thể	3.945.000.000		3.945.000.000	4.381.580.661		4.381.580.661	111,07		111,07
10	Chi cho công tác xã hội	297.000.000		297.000.000	597.195.000		597.195.000	201,08		201,08
11	Chi khác	38.000.000		38.000.000	-			0,00		0,00
12	Dự phòng	151.000.000		151.000.000	-			0,00		0,00
13	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự ATXH	2.692.000.000	-	2.692.000.000	2.159.668.230	-	2.159.668.230	80,23		80,23
	- Chi dân quân tự vệ	1.106.000.000		1.106.000.000	1.151.902.614		1.151.902.614	104,15		104,15
	- Chi an ninh trật tự	1.586.000.000		1.586.000.000	1.007.765.616		1.007.765.616	63,54		63,54
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-			4.036.741.081		4.036.741.081			

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	120.000.000	-	120.000.000	1.539.066.878	1.473.183.601	65.883.277
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	120.000.000	-	120.000.000	724.307.138	698.922.749	25.384.389
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	20.000.000		20.000.000	178.398.033	167.704.000	10.694.033
- Quỹ vì người nghèo	100.000.000		100.000.000	545.909.105	531.218.749	14.690.356
2. Các Hoạt động sự nghiệp				18.262.488	8.004.000	10.258.488
- Trung tâm văn hóa- TT-HTCD				18.262.488	8.004.000	10.258.488
3. Chi Hộ				796.497.252	766.256.852	30.240.400
- Chi cục thuế Hòa Thành-DMC chuyển hỗ trợ UNT thu thuế Phi nông nghiệp				50.897.852	50.897.852	-
- BCH phòng chống dịch bệnh Covid 19 thị xã Hòa Thành chi hỗ trợ người điều trị Covid 19 cho UBND phường Long Thành Trung				240.760.000	240.760.000	-
- Đấu giá cho thuê đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Long Thành Trung quản lý.				424.407.000	424.407.000	-
- Quỹ PCTT thị xã Hòa Thành chuyển 28% giữ lại quỹ PCTT năm 2023 số thu của người lao động khác trên địa bàn phường LTT				27.308.400	-	27.308.400
- Chuyển tiền cao học từ Sở Nội Vụ Tây Ninh chuyển thanh toán CBCC.				20.000.000	20.000.000	-
- Kinh phí Ủy quyền từ Phòng Lao động chi tiền điện hộ nghèo năm 2023.				33.124.000	30.192.000	2.932.000